

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2021/KDTM-ST**.

Ngày: **13/7/2021**.

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Lan** và bà **Nguyễn Thị Tiến**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Phương** -
Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải
Dương tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Văn Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 27/2020/TLST-KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐ-HPT, ngày 02/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐ-HPT, ngày 15/6/2021 và các thông báo thời gian mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng B**.

Địa chỉ: Số 35 Hàng V, P. Lý T, Q. H, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T** – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T1** - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

1. Ông **Lã Huy V**, sinh ngày 03/7/1976

Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng B – Chi nhánh Hải Dương.

Địa chỉ: Khu 3, phường TB, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Ông **Phạm Văn Th**, sinh ngày 25/02/1971

Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp 1 - Ngân hàng B – Chi nhánh Hải Dương.

3. Ông Nguyễn Quý Th1, sinh ngày 10/02/1985

Chức vụ: Phó phòng khách hàng doanh nghiệp 1 - Ngân hàng B – Chi nhánh Hải Dương.

Địa chỉ: Số 02 LT, phường P, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: **Công ty TNHH một thành viên C**

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 3 ngõ 73 Lê H, phường NT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn C - chức vụ: Giám đốc.
Địa chỉ chỗ ở: Số 39B Đại Lộ H, phường NT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương .

Địa chỉ trú quán: Tại thôn H 2, xã TC, huyện Khoái C, tỉnh Hưng Yên.

Ông Th và ông Th1 có mặt tại phiên tòa; Ông C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu bổ sung, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Btrình bày:

Ngân hàng B – Chi nhánh Hải Dương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng B) và Công ty TNHH MTV C (gọi tắt là Công ty C) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6791491/HĐTD ngày 25/10/2016, có các nội dung: Ngân hàng B cho Công ty C vay số tiền **1.200.000.000đồng** (Một tỷ hai trăm triệu đồng);Mục đích:bổ sung vốn phục vụ kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9.2%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn; Thời hạn vay: 11 tháng kể từ ngày rút vốn vay lần đầu. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Công ty C phát sinh từ Hợp đồng tín dụng trên đây, Ngân hàng B đã ký hợp đồng thế chấp số 01/2014/6791491/HĐBĐ ngày 11/12/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01.01/2014/6791491/HĐBĐ ngày 29/09/2015. Theo Hợp đồng này, Ngân hàng B đồng ý nhận thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty C để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty C đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng và/hoặc hợp đồng cấp bảo lãnh được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty C trong khoảng thời gian kể từ ngày 01/12/2014 đến ngày 01/12/2034. Đặc điểm của tài sản thế chấp: Xe ô tô, nhãn hiệu xe BMW, Số khung 31030D7468xx, Số máy: 40889N20BXXB, Biển kiểm soát: 34A-268.xx, Số

đăng ký 0114xx ngày cấp đăng ký 24/8/2015 (cấp lần đầu ngày 10/12/2014); Hợp đồng thế chấp được công chứng hợp pháp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân tổng số tiền **1.200.000.000đ**(*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) theo đúng nội dung hai bên đã thỏa thuận. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký thì Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc, tiền nợ lãi. Vì vậy, Ngân hàng B đã chuyển toàn bộ dư nợ của Công ty C sang dư nợ quá hạn theo qui định tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký. Sau đó, thông báo cho Công ty C biết về việc chuyển toàn bộ dư nợ sang dư nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 30/09/2020, dư nợ tín dụng của Công ty C tại NGÂN HÀNG B như sau:

STT	Tiền nợ	Số tiền (VND)
1	Tiền nợ gốc	1.200.000.000
2	Tiền nợ lãi trong hạn	348.966.666
3	Tiền lãi quá hạn	174.325.000
Tổng cộng		1.723.291.666

Mặc dù, đã được Ngân hàng nhiều lần thông báo, đôn đốc, yêu cầu Công ty C thực hiện dứt điểm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng hoặc giao tài sản thế chấp để xử lý nợ theo qui định nhưng đều không có kết quả vì người đại diện của Công ty từ chối, không thiện chí phối hợp. Do vậy, NGÂN HÀNG B khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Công ty C phải thanh toán cho Ngân hàng NGÂN HÀNG B toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi, tạm tính đến hết ngày 18/3/2021, là: **1.803.566.667đ**(*Một tỷ tám trăm linh ba triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*); (Trong đó tiền nợ gốc là 1.200.000.000đồng; Nợ lãi trong hạn: 402.483.334đ và tiền lãi quá hạn là 201.083.333đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/3/2021 theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả nợ xong. Trường hợp Công ty C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng theo nội dung bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để xử lý thu hồi toàn bộ nợ. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản bảo đảm theo thủ tục thi hành án không đủ trả nợ Ngân hàng B, Ngân hàng đề nghị Quý Tòa án buộc Công ty C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ theo phán quyết của bản án.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn là ông Đỗ Văn C là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV C

nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do và không gửi cho Tòa án quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cùng đại diện khu dân cư, đại diện chính quyền địa phương tiến hành xác minh tại địa chỉ trụ sở của Công ty TNHH MTV C và làm việc trực tiếp với bà Nguyễn Thị T3 là chủ hộ nhà đất tại địa chỉ số 3 ngõ 73 Lê H, phường NT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương cho biết ông C đăng ký địa chỉ nhà bà là trụ sở Chính của Công ty TNHH MTV C. Đồng thời, Công an phường NT, thành phố Hải Dương cũng xác định địa chỉ Trụ sở Công ty C là nhà đất của bà mẹ con bà Nguyễn Thị T3 và anh Nguyễn Mạnh Đ. Ông C không đăng ký tạm trú tại địa chỉ trụ sở Công ty và địa chỉ số 39B Đại Lộ H, phường NT, thành phố Hải Dương. Thực tế tại thời điểm xác minh ông C cũng không có mặt tại 02 địa chỉ nêu trên. Do vậy, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, vào hồi 08h28 phút ngày 15/6/2021 chuẩn bị đến giờ xét xử (09h00 phút) Hội đồng xét xử nhận được đơn trình bày và xin hoãn phiên tòa của ông Đỗ Văn C (chuyển phát nhanh qua dịch vụ của hệ thống Viettel gửi đến Tòa án). Tại nội dung đơn xin ngừng phiên tòa với lý do ông cho rằng không biết việc Ngân hàng NGÂN HÀNG B khởi kiện Công ty TNHH một thành viên C. Mặt khác, vì tình hình dịch bệnh Covid đang diễn biến phức tạp, bản thân ông C cũng không chắc được việc có tiếp xúc với các trường hợp F0, F1, F2 nào hay không nên không thể có mặt để tham gia tố tụng tại phiên tòa được. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự được tham gia tố tụng tại phiên tòa Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và gửi các văn bản tố tụng cho ông C theo địa chỉ ông C xác định tại đơn nêu trên là tại số 39 Đại Lộ H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương thì Bru điện Hải Dương đã hoàn lại cho Tòa án và xác định có số nhà nhưng không có ai tên thế nhận vì lý do đã chuyển đi, đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản là Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập và Quyết định cung cấp chứng cứ yêu cầu ông C cung cấp địa chỉ của ông Đỗ Văn B, người mà ông C cho rằng đã trả nợ thay cho Công ty C từ tháng 4 đến tháng 9/2017 mỗi tháng 10.000.000đ. Nhưng, đến nay Tòa án không nhận được bất cứ thông tin gì từ ông C và ông C cũng không đến Tòa án để thể hiện ý kiến, quan điểm đã nêu tại đơn của ông C. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành làm việc với người đại diện của Ngân hàng và thu thập tài liệu là bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng, có thể hiện trong thời gian ông C vi phạm pháp luật, bị tạm giam và chấp hành án thì có bà Nguyễn Thị D là kế

toán trưởng Công ty TNHH một thành viên C và bà Lê Thị Thu Ng đến Ngân hàng B nộp tiền trả nợ cho Công ty thời gian từ tháng 03/2017 đến tháng 09/2017 được thể hiện tại sao kê tài khoản tiền gửi của Công ty TNHH một thành viên C tại Ngân hàng B. Tính đến ngày 13/7/2021 thì Công ty TNHH một thành viên C đã trả cho Ngân hàng B được tổng số tiền lãi 106.270.000 đồng; chưa trả được khoản tiền gốc nào.

Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng NGÂN HÀNG B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết. Buộc Công ty TNHH MTV C phải thanh toán cho Ngân hàng NGÂN HÀNG B toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi, tạm tính đến hết ngày 13/7/2021, là: **1.859.141.667đ**(*Một tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, một trăm bốn mươi một ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*); (*Trong đó tiền nợ gốc là 1.200.000.000đồng; Nợ lãi trong hạn: 439.533.334đ và tiền lãi quá hạn là 219.608.333đồng*) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/7/2021 theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả nợ xong. Trường hợp Công ty TNHH MTV C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng theo nội dung bản án có hiệu lực pháp luật thì NGÂN HÀNG B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi toàn bộ nợ. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản bảo đảm theo thủ tục thi hành án không đủ trả nợ Ngân hàng B thì đề nghị Tòa án buộc Công ty C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG B cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ theo phán quyết của bản án. Đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH MTV C phải chịu án phí. Về khoản chi phí tố tụng: Ngân hàng B tự nguyện không yêu cầu Công ty C phải chịu khoản chi phí tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 116; Điều 117; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323 của Bộ luật dân sự; Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Điều 4; Điều 306 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án.Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B. Buộc Công ty TNHH MTV C phải cho Ngân hàng B tổng số tiền tạm tính đến hết ngày xét xử (ngày 13/7/2021), là: **1.859.141.667đ** (Một tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, một trăm bốn mươi một ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng); (Trong đó tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 439.533.334đ và tiền lãi quá hạn là 219.608.333đồng). Buộc Công ty TNHH MTV C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/7/2021 theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi Công ty trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết; Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật Công ty C không thực hiện thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên thì Ngân hàng NGÂN HÀNG B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ đối với các hợp đồng thế chấp chiếc ô tô nhãn hiệu xe BMW, BKS: 34A-268.xx. Sau khi phát mại tài sản thế chấp, đối trừ đi các khoản nợ phải thanh toán, nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ trên thì Công ty C phải có trách nhiệm thanh toán hết cho Ngân hàng NGÂN HÀNG B số tiền còn thiếu. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp còn thừa thì trả lại cho người có tài sản thế chấp; Về án phí: Buộc Công ty C phải chịu tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo qui định; Hoàn trả Ngân hàng NGÂN HÀNG B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.840.000đ tại Chi cục thi hành án thành phố Hải Dương; Chấp nhận sự tự nguyện của NGÂN HÀNG B Hải Dương không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản đã chi phí tố tụng (thẩm định tài sản).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Ngày 25/10/2016, Ngân hàng B và Công ty TNHH MTV C ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6791491/HĐTD với thời hạn 11 tháng. Tuy nhiên đến ngày 25/9/2017 Công ty C vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi. Ngày 23/10/2020, NGÂN HÀNG B khởi kiện Công ty C là đúng quy định tại Điều 319 Luật Thương mại và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 429 Bộ luật dân sự.

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, Tòa án xác định Ngân hàng B và Công ty TNHH MTV C là hai chủ thể có đăng ký kinh doanh, ký kết Hợp đồng đều vì mục đích lợi nhuận. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp Kinh doanh thương mại. Công ty C có địa chỉ Trụ sở tại số 3 ngõ 73 Lê H, phường NT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương được quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, niêm yết theo qui định của pháp luật cho bị đơn theo địa chỉ trụ sở chính của Công ty C; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của người đại diện theo pháp của Công ty tại thôn H 2, xã TC, huyện Khoái C, tỉnh Hưng Yên nhưng ông Đỗ Văn C – Giám đốc Công ty C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B nhận thấy: Tại Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/6791491/HĐTD ngày 25/10/2016, thể hiện Ngân hàng B cho Công ty TNHH MTV C vay số tiền **1.200.000.000** đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*); Mục đích: bổ sung vốn phục vụ kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9.2%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn; Thời hạn vay: 11 tháng kể từ ngày rút vốn vay lần đầu là ngày 26/10/2016, hết hạn Hợp đồng vào ngày 26/9/2017. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Công ty C phát sinh từ Hợp đồng tín dụng trên đây, Ngân hàng B đã ký hợp đồng thế chấp số 01/2014/6791491/HĐBĐ ngày 11/12/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01.01/2014/6791491/HĐBĐ ngày 29/09/2015. Theo Hợp đồng này, Ngân hàng B đồng ý nhận thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty C để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ vay của Công ty C đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng và/hoặc hợp đồng cấp bảo lãnh được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty C trong khoảng thời gian kể từ ngày 01/12/2014 đến ngày 01/12/2034. Đặc điểm của tài sản thế chấp: Xe ô tô con, nhãn hiệu xe BMW, Số khung 31030D7468xx, Số máy: 40889N20BXXB, Biển kiểm soát: 34A-268.xx, Số đăng ký 0114xx ngày cấp đăng ký 24/8/2015 (cấp lần đầu ngày 10/12/2014); Hợp đồng thế chấp được công chứng hợp pháp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, HĐXX thấy rằng các bên tham gia đều có đủ

năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập Hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng trình tự của pháp luật về tín dụng Ngân hàng; tài sản thế chấp được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận và thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên thế chấp; Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm, phù hợp qui định tại Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 116; Điều 117 của Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng do Công ty C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc, tiền nợ lãi. Mặc dù, đã được Ngân hàng B thông báo cho Công ty C, ông C là người đại diện theo pháp luật của Công ty biết về số tiền gốc và tiền lãi phải trả thể hiện tại các thông báo ngày 15/11/2017, ngày 15/12/2017, ngày 15/01/2018, ngày 16/4/2018, ngày 16/7/2018, ngày 15/10/2018, ngày 15/01/2019, ngày 15/4/2019, ngày 15/7/2019, ngày 31/10/2019, ngày 16/12/2019, ngày 15/01/2020, ngày 14/4/2020, ngày 15/7/2020, ngày 25/9/2020. Mặt khác, Ngân hàng B tiến hành làm việc trực tiếp với ông C thể hiện tại các biên bản ngày 05/11/2018; ngày 24/01/2019; ngày 08/11/2019; ngày 17/9/2020, ông C đều cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng thực tế vẫn không trả. Vì vậy, việc Ngân hàng B đã chuyển toàn bộ dư nợ của Công ty C sang dư nợ quá hạn theo qui định tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký, kể từ ngày 26/09/2017 là có căn cứ.

Kể từ ngày vay đến thời điểm Tòa án xét xử (13/7/2021), Công ty TNHH MTV C đã trả cho Ngân hàng B được số tiền lãi là **106.270.000đ**, chưa trả nợ được đồng tiền gốc nào. Tính đến hết ngày 13/7/2021, Công ty TNHH MTV C còn nợ Ngân hàng B tổng số tiền gốc và lãi là: **1.859.141.667đ** (*Một tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, một trăm bốn mươi một ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*). Như vậy, xác định Công ty C vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay qui định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, Ngân hàng B khởi kiện Công ty C phải trả cho Ngân hàng B số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến hết ngày xét xử (ngày 13/7/2021) là: **1.859.141.667đ** (*Một tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi một ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*); (*Trong đó tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 439.533.334đ và tiền lãi quá hạn là 219.608.333 đồng*) là đúng, phù hợp với quy định tại Điều 351 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty C phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân

hàng B toàn bộ số tiền trên; đồng thời tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6791491/HĐTD ngày 25/10/2016 hai bên đã ký kể từ ngày 14/7/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[3] Về yêu cầu của NGÂN HÀNG B trong trường hợp Công ty C không trả hoặc trả không hết nợ thì NGÂN HÀNG B được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/6791491/HĐBĐ ngày 11/12/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01.01/2014/6791491/HĐBĐ ngày 29/09/2015 các bên đã ký kết. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị buộc Công ty C tiếp tục phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho NGÂN HÀNG B. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Văn phòng công chứng BM, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Ngân hàng B và Công ty C ký kết Hợp đồng thế chấp số 01/2014/6791491/HĐBĐ ngày 11/12/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01.01/2014/6791491/HĐBĐ ngày 29/09/2015. Theo Hợp đồng này, Ngân hàng B đồng ý nhận thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty C để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty C đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng và/hoặc hợp đồng cấp bảo lãnh được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty C trong khoảng thời gian kể từ ngày 01/12/2014 đến ngày 01/12/2034. Đặc điểm của tài sản thế chấp: Xe ô tô con, nhãn hiệu xe BMW, Số khung 31030D7468xx, Số máy: 40889N20BXXB, Biển kiểm soát: 34A-268.xx, số đăng ký 0114xx ngày cấp đăng ký 24/8/2015 (cấp lần đầu ngày 10/12/2014); Hợp đồng thế chấp được công chứng hợp pháp và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật nên hoàn toàn hợp pháp. Căn cứ theo Điều 298 Bộ luật dân sự; Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006, mục 3 khoản 19 Điều 1 Nghị định 11 ngày 22/02/2012 sửa đổi bổ sung Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 thì việc thế chấp tài sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền án phí Ngân hàng B đã nộp tạm ứng. Công ty C phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày

25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Những vấn đề khác: Đối với khoản tiền chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ). Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, không đặt ra giải quyết đối với khoản chi phí này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH.

Căn cứ Điều 116; Điều 117; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323; Điều 351; Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Điều 4; Điều 306 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B. Buộc Công ty TNHH MTV C phải trả cho Ngân hàng B theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/6791491/HĐTD ngày 25/10/2016, tính đến hết ngày xét xử (ngày 13/7/2021) với tổng số tiền là: **1.859.141.667đ** (*Một tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, một trăm bốn mươi một ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*); (*Trong đó tiền nợ gốc là 1.200.000.000đồng; Nợ lãi trong hạn: 439.533.334đ và tiền lãi quá hạn là 219.608.333đồng*). Công ty TNHH MTV C tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6791491/HĐTD ngày 25/10/2016 mà hai bên đã ký, kể từ ngày 14/7/2021 cho đến khi trả hết nợ Ngân hàng B.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty TNHH MTV C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng B có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp gồm: Chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu xe BMW, Số khung 31030D7468xx, Số máy: 40889N20BXXB, Biển kiểm soát: 34A-268.xx, số đăng ký 0114xx ngày cấp đăng ký 24/8/2015 (cấp lần đầu ngày 10/12/2014) theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/6791491/HĐBĐ ngày 11/12/2014 và Hợp đồng sửa đổi,

bổ sung hợp đồng thế chấp số 01.01/2014/6791491/HĐBĐ ngày 29/09/2015. Trường hợp số tiền bán tài sản thế chấp lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng NGÂN HÀNG B thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho bên thế chấp. Nếu số tiền bán tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng NGÂN HÀNG B thì Công ty C phải tiếp tục thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng NGÂN HÀNG B.

3. Về án phí:

- Buộc Công ty TNHH MTV C phải chịu số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, được làm tròn là 67.774.000đ (*Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi tư ngàn đồng*).

- Hoàn trả Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.840.000 (*Ba mươi một triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn*) theo biên lai thu số AA/2018/0004852 ngày 09/11/2020, do ông Nguyễn Quý Th1 nộp thay Ngân hàng NGÂN HÀNG B tại Chi cục thi hành án thành phố Hải Dương.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự là nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./

N-i nhĒn:

- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Các đ--ng sù;
- L-u hă s-;
- Lưu VPTA.

**t. m hĒi @ăng xĐt xố s- thĒm
ThĒm ph, n - Chñ to¹ phĩn toạ**

Trương Thị Tố Uyên